TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH ANGIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 9 – 2017

"V/v ly hôn giữa
Anh Đ và chị Tr"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Anh Đoan

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên tòa***: Trương Phú Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T*** *tham gia phiên tòa:*

Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Thành Đ – Sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số 147, ấp Mỹ H, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Anh Quách Thanh P là Luật sư của Văn phòng luật sư Quách P thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc Tr – Sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1196, tổ 23, ấp Phú Mỹ H, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh Đặng Thành Đ trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2011 anh và chị Trần Thị Ngọc Tr đồng ý tiến tới hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng

sống bình thường đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh đi làm phụ hồ ở xa, chị Tr nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với phụ nữ khác và ghen tuông vô cớ, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ tháng 6/2014 đến nay vợ chồng ly thân. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc Tr.

Tại văn bản ngày 15/9/2017 chị Trần Thị Ngọc Tr trình bày như trình bày trên của anh Đ và chị đồng ý ly hôn với anh Đ.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Đặng Trần Khánh M, sinh ngày 29/7/2012 hiện nay chị Tr đang nuôi, anh Đ đồng ý giao con cho chị Tr tiếp tục nuôi và anh cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng đến khi con thành niên, thực hiện tháng 10/2017.

- Về chia tài sản và nợ phải thu, phải trả: Không có.

Luật sư của nguyên đơn phát biểu ý kiến, anh Đ và chị Tr chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Đ và chị Tr là vợ chồng. Anh Đ giao con cho chị Tr nuôi và cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng, căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa anh Đ và chị Tr là không hợp pháp, vì không đăng ký kết hôn, anh Đ đồng ý giao con cho chị Tr nuôi và cấp dưỡng hằng tháng 1.000.000đ, căn cứ Điều 53, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Ngọc Trinh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trinh.

[2] Hôn nhân của anh Đ và chị Tr là không hợp pháp, vì anh chị không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ vào Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Hội đồng xét xử không công nhận anh Đặng Thành Đ và chị Trần Thị Ngọc Tr là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Đặng Trần Khánh M, hiện nay chị Tr đang nuôi, anh Đ đồng ý giao con cho chị Tr tiếp tục nuôi. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr được tiếp tục nuôi cháu M và anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi

con mỗi tháng là 1.000.000đ đến khi con thành niên, căn cứ khoản 2 Điều 82, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện mức cấp dưỡng nuôi con của anh Đ.

[4] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản: Không có, nên Tòa án không đề cập.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội anh Được phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 2, 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Đặng Thành Đ và chị Trần Thị Ngọc Tr là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Đặng Trần Khánh M, sinh ngày 29/7/2012 cho chị Trần Thị Ngọc Tr trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị Tr đang nuôi.

2.2. Anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi), thực hiện tháng 10/2017.

2.3. Anh Đặng Thành Đ không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh

nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Đặng Thành Đ phải chịu án phí hôn nhân 300.000đ và án phí cấp dưỡng 300.000đ, cộng chung là 600.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0016023 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T, anh Đ phải nộp thêm 300.000đ.

Anh Đặng Thành Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trần Thị Ngọc Tr vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Kim Phương